

**U.S. DEPARTMENT OF AGRICULTURE**  
Rural Development – Rural Business-Cooperative Service  
**CHƯƠNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG NÔNG THÔN CHO HOA KỲ**  
**ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ ÁN HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO VÀ CẢI THIỆN HIỆU QUẢ NĂNG LƯỢNG VỚI TỔNG**  
**CHI PHÍ DỰ ÁN DƯỚI \$200.000 NHƯNG TRÊN \$80.000**

**GHI CHÚ:** Tuyên bố sau đây được đưa ra theo Privacy Act (Đạo luật Quyền riêng tư) 1974 (5 USC 552a) và Paperwork Act (Đạo luật Thủ tục giấy tờ) 1995, đã được sửa đổi. Thẩm quyền yêu cầu các thông tin sau đây là Section 9007 của Agricultural Act (Đạo luật Nông nghiệp) năm 2014 (Public Law - Luật công 113-79). Thông tin này có thể được cung cấp cho các cơ quan khác, Internal Revenue Service (Sở Thuế vụ), Department of Justice (Bộ Tư pháp) hoặc các cơ quan thực thi pháp luật của tiểu bang và liên bang khác và để phân phối lại thẩm phán tòa án hoặc tòa án hành chính. Các quy định của đạo luật gian lận hình sự và dân sự, bao gồm 18 USC 286, 287, 371, 641, 1001; 1014, 15 USC 714m; và 31 USC 3729, có thể áp dụng cho thông tin được cung cấp.

**NỘP BIỂU MẪU ĐÃ HOÀN THÀNH NÀY CHO USDA RURAL DEVELOPMENT OFFICE TẠI TIỂU BANG CÓ DỰ ÁN.**

Kèm theo mẫu này là Hướng dẫn chi tiết cho từng phần. Vui lòng tham khảo Hướng dẫn để được hướng dẫn khi điền biểu mẫu này. Sử dụng tài liệu đính kèm khi cần thiết.

**I. A. Tên hợp pháp của người nộp đơn (Ô 8a trong SF 424):**

**\*\* Mục đích của những câu hỏi này là thu thập thông tin về chủng tộc, dân tộc và giới tính của những người đăng ký và tham gia chương trình USDA này. Thông tin được cung cấp sẽ không được sử dụng khi xem xét đơn đăng ký hoặc khi xác định khả năng đủ điều kiện tham gia chương trình này. Các câu trả lời được cung cấp là tự nguyện và không bắt buộc để đơn đăng ký được xem là hoàn chỉnh. Thông tin được cung cấp sẽ được sử dụng để cải thiện hoạt động của chương trình này, giúp USDA thiết kế các cơ hội bổ sung để tham gia chương trình và giám sát việc thực thi các luật yêu cầu quyền tiếp cận bình đẳng vào chương trình này cho những người đủ điều kiện. Đối với tổ chức, đánh dấu tất cả mục phù hợp. Thông tin sẽ được giữ kín trong phạm vi pháp luật cho phép.**

|  |  |   |
|--|--|---|
| <p><b>**I. B. Người nộp đơn thuộc chủng tộc nào (đánh dấu tất cả những mục phù hợp)?</b></p> <p>Người Mỹ da đỏ hoặc người bản địa Alaska <input type="checkbox"/></p> <p>châu Á <input type="checkbox"/></p> <p>Người da đen hoặc người Mỹ gốc Phi <input type="checkbox"/></p> <p>Người Hawaii bản xứ hoặc người đảo Thái Bình Dương khác <input type="checkbox"/></p> <p>Người da trắng <input type="checkbox"/></p> | <p><b>**I. C. Người nộp đơn thuộc giới tính nào?</b></p> <p>Nam <input type="checkbox"/></p> <p>Nữ <input type="checkbox"/></p> <p><b>** I. D. Người nộp đơn thuộc dân tộc nào?</b></p> <p>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh <input type="checkbox"/></p> <p>Không phải người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh <input type="checkbox"/></p> | <p><b>I.E. Người nộp đơn có phải là cựu chiến binh?</b></p> <p>Có <input type="checkbox"/></p> <p>Không <input type="checkbox"/></p> <p><b>I. F. Người nộp đơn có thuộc nhóm người thiệt thòi về mặt xã hội?</b></p> <p>Có <input type="checkbox"/></p> <p>Không <input type="checkbox"/></p> |
|--|--|---|

**II. Tên dự án (Ô 15 trong SF 424):**

**III. Đăng ký System for Awards Management (SAM):** Cung cấp Mã định danh Tổ chức Duy nhất (UEI) khi đăng ký SAM thành công  
UEI:

**IV. Cung cấp tên của Giám đốc Điều hành và người sẽ nhận hoặc phân phối quỹ liên bang.**

**V. Loại hình người nộp đơn:**

Người nộp đơn phải chứng nhận đáp ứng định nghĩa Nhà sản xuất nông nghiệp hoặc Doanh nghiệp nhỏ ở nông thôn, theo 7 C.F.R. 4280.103.

A. Người nộp đơn đang nộp đơn và theo đây xác nhận đáp ứng định nghĩa về (đánh dấu một mục):

Nhà sản xuất nông nghiệp  hoặc Doanh nghiệp nhỏ ở nông thôn

B. Cung cấp mã Hệ thống Phân loại Ngành Bắc Mỹ (NAICS) chính để vận hành:

Mã NAICS: \_\_\_\_\_ Giới hạn quy mô NAICS tương ứng: \_\_\_\_\_

**VI. Mô tả người nộp đơn:** Mô tả quyền sở hữu của người nộp đơn, bao gồm:

A. Mối quan hệ của dự án với hoạt động của người nộp đơn. Mô tả cách dự án được đề xuất phù hợp hoặc hoạt động tách biệt với hoạt động kinh doanh hoặc sản xuất nông nghiệp tổng thể của người nộp đơn:

Một cơ quan liên bang không được phép tiến hành hoặc tài trợ, và một cá nhân không bắt buộc phải phân phối, cũng như một cá nhân sẽ không phải chịu hình phạt vì không tuân thủ việc thu thập thông tin theo yêu cầu của Đạo luật Giảm thiểu Thủ tục Giấy tờ trừ khi việc thu thập thông tin đó hiển thị Số Kiểm soát OMB hiện đang hợp lệ. Số Kiểm soát OMB cho việc thu thập thông tin này là 0570-0067. Báo cáo công khai cho việc thu thập thông tin này được ước tính là khoảng 10 giờ cho mỗi phản hồi, bao gồm thời gian xem xét hướng dẫn, tìm kiếm các nguồn dữ liệu hiện có, thu thập và lưu giữ dữ liệu cần thiết, hoàn thành và xem xét việc thu thập thông tin.

Tất cả các phản hồi cho việc thu thập thông tin này là tự nguyện, tuy nhiên để có được hoặc giữ lại một lợi ích, thông tin trong mẫu này là bắt buộc. RD không có kế hoạch công bố các thông tin được thu thập theo quy định của chương trình này. Vui lòng gửi ý kiến về ước tính gánh nặng này hoặc bất kỳ khía cạnh nào khác của việc thu thập thông tin này, bao gồm các đề xuất để giảm gánh nặng này tới: Information Collection Clearance Officer, Rural Development Innovation Center, Regulations Management Division qua [ICRMTRRequests@usda.gov](mailto:ICRMTRRequests@usda.gov).

B. Mô tả cách người nộp đơn, tại thời điểm nộp đơn, nhận trợ cấp và trong suốt thời gian sử dụng hữu ích, sở hữu dự án cũng như sở hữu hoặc kiểm soát địa điểm cho dự án:

C. Đối với mỗi tổ chức mà người nộp đơn kiểm soát hoặc tổ chức kiểm soát người nộp đơn, cung cấp danh sách chủ sở hữu cùng với mối quan hệ của dự án với hoạt động của người nộp đơn. Mô tả cách dự án được đề xuất phù hợp hoặc hoạt động tách biệt với hoạt động kinh doanh hoặc sản xuất nông nghiệp tổng thể của người nộp đơn:

D. Mối quan hệ của dự án với hoạt động của người nộp đơn. Mô tả cách dự án được đề xuất phù hợp hoặc hoạt động tách biệt với hoạt động kinh doanh hoặc sản xuất nông nghiệp tổng thể của người nộp đơn:

**VII. Thông tin dự án:** Tỷ lệ trợ cấp REAP của liên bang là tối đa 25% trừ khi dự án đáp ứng một trong các tiêu chí sau: (a) nằm trong cộng đồng năng lượng được chỉ định; (b) được đề xuất bởi một tổ chức bộ lạc; (c) là dự án cải tiến hiệu quả năng lượng; hoặc (d) là hệ thống năng lượng tái tạo hoặc trang bị thêm hệ thống năng lượng tái tạo không tạo ra lượng khí thải nhà kính ở cấp độ dự án. **Xác định loại dự án năng lượng sẽ được tài trợ, được hỗ trợ thông qua đánh giá hoặc kiểm toán năng lượng đính kèm, báo cáo kỹ thuật hoặc chứng nhận của nhà cung cấp hoặc nghiên cứu tính khả thi nếu có.**

A. Cải thiện hiệu quả năng lượng  HOẶC

B. Hệ thống năng lượng tái tạo (không GHGE)  ; với thành phần lưu trữ  Trang bị thêm RES hiện có (không GHGE)   
*Vui lòng cho biết công nghệ năng lượng tái tạo có thể áp dụng:*  
 Năng lượng mặt trời: Điện (PV)  hoặc nhiệt  Địa nhiệt: Sử dụng trực tiếp  hoặc phát điện  Gió  Thủy điện,   
 Năng lượng đại dương  Hydro có nguồn từ: Năng lượng mặt trời  hoặc gió  hoặc địa nhiệt  HOẶC

C. Hệ thống năng lượng tái tạo (phát thải GHGE)  ; với thành phần lưu trữ  Trang bị thêm RES hiện có (không GHGE)   
*Vui lòng cho biết công nghệ năng lượng tái tạo có thể áp dụng:*  
 Khí sinh học (bao gồm cả khí bãi rác)   
 Sinh khối: Diesel sinh học  hoặc ethanol  hoặc nhiên liệu rắn  hoặc Hydro chuyển đổi nhiệt có nguồn gốc từ: Sinh khối  HOẶC

D. Kết hợp (hai hoặc nhiều công nghệ hỗ trợ một hệ thống duy nhất), chọn các công nghệ ở trên và mô tả cách chúng phối hợp với nhau để hỗ trợ một hệ thống duy nhất:

E. Mô tả dự án. Cung cấp mô tả chi tiết về công nghệ và mục đích dự định của nó (năng lượng thay thế, năng lượng được bù trừ điện năng, năng lượng đã bán, năng lượng tự sử dụng), vị trí dự án (địa chỉ) và địa điểm cụ thể của dự án tại vị trí dự án. Mô tả các mối quan hệ tiện ích (kết nối, bù trừ điện năng, hợp đồng mua bán điện, v.v.) và đính kèm các thỏa thuận vào tài liệu về mức giá đã thiết lập phải trả cho năng lượng được bán hoặc thay thế:

F. Thông tin về xây dựng và thiết bị của dự án. Mô tả cách thiết kế, kỹ thuật, thử nghiệm và giám sát đủ để chứng minh rằng dự án được đề xuất sẽ đáp ứng mục đích đã định, đảm bảo an toàn công cộng và tuân thủ luật pháp, quy định, thỏa thuận, giấy phép, quy tắc và tiêu chuẩn hiện hành. Mô tả làm thế nào để tất cả các thiết bị cần thiết đều có sẵn và có thể được mua sắm và được giao trong tiến độ phát triển dự án đề xuất.

G. Thiết bị có sẵn trên thị trường. Cung cấp mô tả chi tiết về tất cả các thiết bị chính sẽ được lắp đặt bao gồm các bảo hành liên quan và mọi quy trình áp dụng liên quan đến chuyển đổi nguyên liệu, liệt kê tổ chức công nghiệp được công nhận đã chứng nhận thiết bị hệ thống năng lượng tái tạo nếu có:

H. Đánh giá kinh tế dự án:

| 1. Phân tích chi phí dự án:  |                           |         |
|--|---------------------------|---------|
| a. Hạng mục xây dựng: (Chia nhỏ tổng chi phí dự án bằng cách cung cấp danh sách các thiết bị chính, chi phí nhân công, phí và các chi phí khác liên quan đến dự án. Cung cấp thông tin thời gian sử dụng hữu ích của các thành phần hệ thống chính. Có thể đính kèm hồ sơ dự thầu chi tiết để hỗ trợ tổng chi phí dự án.): | Thời gian sử dụng hữu ích | Chi phí |
|  |                           | \$      |
|  |                           | \$      |
|  |                           | \$      |
|  |                           | \$      |
|  |                           | \$      |
|  |                           | \$      |
|  |                           | \$      |
|  |                           | \$      |
| b. Tổng chi phí dự án: (Tổng chi phí dự án phải giống như trong Mẫu SF-424C, "Thông tin ngân sách - Chương trình xây dựng".)   |                           | \$      |
| c. Chi phí dự án đủ điều kiện: (Xem Hướng dẫn để xác định chi phí dự án đủ điều kiện).   |                           | \$      |
| d. Chi phí dự án không đủ điều kiện: Cung cấp thông tin chi tiết về mọi chi phí dự án không đủ điều kiện đã biết, bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản trả trước được thực hiện trước ngày nộp đơn hoặc phần chi phí hệ thống năng lượng tái tạo liên quan đến khu dân cư được chia theo tỷ lệ.                        |                           |         |

|  |  |
|--|--|
| <p>2. Ước tính sản lượng hoặc tiết kiệm năng lượng của dự án và chi phí năng lượng. <i>Cơ quan có thể yêu cầu thông tin bổ sung để chứng minh số lượng, đơn vị và mức giá nếu cần thiết:</i></p>   |  |
| <p>a. Đối với hệ thống năng lượng tái tạo:</p> <p>i. Số lượng hàng năm của <b>năng lượng tái tạo sẽ được tạo ra</b> và đơn vị năng lượng:<br/>         - <u>Đính kèm</u> bản đánh giá địa điểm năng lượng tái tạo hoặc tài liệu khác để xác nhận tổng lượng năng lượng được tạo ra, bao gồm chất lượng và tính khả dụng của nguồn tài nguyên tái tạo cho dự án.</p>  | <p>a. Tổng sản lượng ước tính:<br/>         b. Đơn vị: kWh <input type="checkbox"/> hoặc BTU <input type="checkbox"/> hoặc <input type="checkbox"/></p>  |
| <p>ii. <b>Việc sử dụng</b> được ghi lại (năng lượng tái tạo được bán, đo lường/ghi nhận hoặc để sử dụng trực tiếp), đơn vị đo lường, đơn giá, giá trị đồng đô la và tên của công ty tiện ích/bên mua, nếu có.</p> <p>- <u>Đính kèm</u> thỏa thuận mua bán điện để ghi lại số lượng năng lượng đã bán và đơn giá năng lượng phải trả.</p> <p>- <u>Đính kèm</u> chính sách hoặc thỏa thuận bù trừ điện năng của công ty tiện ích, bù trừ điện năng <u>ào</u>, ghi nhận năng lượng, hoặc thư từ công ty tiện ích trong đó cho biết mức giá phải trả cho năng lượng dư thừa.</p> <p>Năng lượng sử dụng trực tiếp:<br/>         - Phải có lịch sử sử dụng năng lượng ít nhất 12 tháng mới được tính điểm thay thế. <u>Đính kèm</u> hóa đơn tiện ích ít nhất 12 tháng để ghi lại giá trung bình trước đây được thanh toán cho năng lượng thay thế sử dụng trực tiếp;<br/>         Khi tính giá bình quân thực tế theo một đơn vị năng lượng, chỉ bao gồm chi phí năng lượng được giảm trực tiếp theo đơn vị năng lượng đang được thay thế hoặc tiết kiệm, ví dụ không bao gồm phí dịch vụ hàng tháng, nhu cầu hoặc các khoản phí khác nếu không được giảm trực tiếp; hoặc<br/>         - <u>Đính kèm</u> tài liệu về giá năng lượng thông thường cho xây dựng mới sử dụng trực tiếp hoặc ứng dụng ngoài lưới điện.</p> | <p>a. Năng lượng đã bán: <input type="text"/></p> <p>b. Đơn vị: kWh <input type="checkbox"/> hoặc BTU <input type="checkbox"/> hoặc <input type="checkbox"/></p> <p>c. Đơn giá: \$</p> <p>d. Giá trị \$ (a x c): \$</p> <p>e. Tên công ty tiện ích/bên mua:</p> <p>a. Năng lượng được đo/ghi nhận:<br/>         b. Đơn vị: kWh <input type="checkbox"/> hoặc BTU <input type="checkbox"/> hoặc <input type="checkbox"/></p> <p>c. Đơn giá: \$</p> <p>d. Giá trị \$ (a x c): \$</p> <p>e. Tên công ty tiện ích/bên mua:</p> <p>a. Năng lượng sử dụng trực tiếp:<br/>         b. Đơn vị: kWh <input type="checkbox"/> hoặc BTU <input type="checkbox"/> hoặc <input type="checkbox"/></p> <p>c. Đơn giá: \$</p> <p>d. Giá trị \$ (a x c): \$</p> |
| <p>iii. <b>Sản phẩm phụ/số lượng doanh thu khác</b>, mô tả, đơn vị đo lường, giá thị trường hợp lý trên mỗi đơn vị và giá trị đồng đô la:<br/>         -Không bao gồm các ưu đãi của chính phủ hoặc tiện ích hoặc tín dụng năng lượng tái tạo mà sẽ không được nhận hằng năm trong suốt vòng đời của dự án.<br/>         - <u>Đính kèm</u> tài liệu về số lượng, giá của sản phẩm phụ/doanh thu khác.</p>  | <p>a. Sản phẩm phụ/số lượng doanh thu khác:<br/>         b. Mô tả:<br/>         c. Đơn vị: kWh <input type="checkbox"/> hoặc BTU <input type="checkbox"/> hoặc <input type="checkbox"/></p> <p>d. Đơn giá: \$</p> <p>e. Giá trị \$ (a x d): \$</p> <p>a. Sản phẩm phụ/số lượng doanh thu khác:<br/>         b. Mô tả:<br/>         c. Đơn vị: kWh <input type="checkbox"/> hoặc BTU <input type="checkbox"/> hoặc <input type="checkbox"/></p> <p>d. Đơn giá: \$</p> <p>e. Giá trị \$ (a x d): \$</p>  |

|   |   |
|---|---|
| <p>iv. <b>Năng lượng trung bình hằng năm trong quá khứ được sử dụng bởi doanh nghiệp</b>, đơn vị đo lường, giá bán lẻ trung bình được trả trước đây cho mỗi đơn vị và giá trị đồng đô la:</p> <p>- Đính kèm hóa đơn tiện ích ít nhất 12 tháng để ghi lại giá trung bình trước đó đã thanh toán cho năng lượng kinh doanh;</p> <p>Khi tính giá bình quân thực tế theo một đơn vị năng lượng chỉ bao gồm chi phí năng lượng được giảm trực tiếp theo đơn vị năng lượng đang được thay thế hoặc tiết kiệm, ví dụ không bao gồm phí dịch vụ hằng tháng, nhu cầu hoặc các khoản phí khác nếu không được giảm trực tiếp.</p>  | <p>a. Lịch sử sử dụng năng lượng cho kinh doanh:</p> <p>b. Đơn vị: kWh <input type="checkbox"/> hoặc BTU <input type="checkbox"/> hoặc <input type="checkbox"/></p> <p>c. Đơn giá: \$</p> <p>d. Giá trị \$ (a x c): \$</p>  |
| <p>v. Nếu dự án RES sẽ được kết nối với một đồng hồ dùng chung kết nối cả doanh nghiệp và khu dân cư, hoặc nếu dự án hầu như sẽ thực hiện bù trừ điện năng ảo hoặc ghi nhận năng lượng do dự án RES tạo ra cho một khu dân cư bên ngoài dự án, nhưng thuộc sở hữu của người nộp đơn, cung cấp <b>lượng sử dụng năng lượng cho khu dân cư trước đây</b> và đơn vị đo lường:</p> <p>một danh sách chi tiết các giả định.-</p> <p><u>Đính kèm</u> hóa đơn tiện ích ít nhất 12 tháng để ghi lại</p> <p><i>Ghi chú: 50% năng lượng tái tạo dự kiến trở lên được tạo ra phải mang lại lợi ích cho hoạt động kinh doanh thì dự án mới đủ điều kiện. Chi phí dự án đủ điều kiện được tính theo tỷ lệ dựa trên mức tiêu thụ năng lượng kinh doanh trước đây.</i></p> <p>Một đồng hồ riêng biệt cũng có thể được lắp đặt.</p> | <p>a. Lịch sử sử dụng năng lượng cho khu dân cư:</p> <p>b. Đơn vị: kWh <input type="checkbox"/> hoặc BTU <input type="checkbox"/> hoặc <input type="checkbox"/></p> <p>Một đồng hồ riêng sẽ được lắp đặt:<br/>Có <input type="checkbox"/> hoặc không <input type="checkbox"/></p> |
| <p>vi. Tỷ lệ năng lượng được <b>thay thế</b> hằng năm:</p> <p><i>Nếu năng lượng thay thế vượt quá 150% mức sử dụng năng lượng trước đây, dự án sẽ được tính điểm là dự án tạo năng lượng.</i></p>   | <p>a. (ia + iv a x 100) = %</p>   |
| <p>vii. <b>Giá trị tạo năng lượng</b>: Giá trị đô la hằng năm của năng lượng tái tạo được đề xuất đã bán và các sản phẩm phụ đã bán. (Tổng của F 2 a ii d(s) và F 2 a iii e(s))</p>   | <p>\$</p>   |
| <p>viii. <b>Giá trị thay thế</b>: Giá trị đô la hằng năm của mức tiêu thụ năng lượng trong lịch sử. (F 2 a iv (d))</p>  | <p>\$</p>   |
| <p>ix. <b>Hoàn vốn đơn giản</b>. (Tổng chi phí dự án/giá trị đô la hằng năm của các đơn vị năng lượng đã bán, được ghi nhận, thay thế hoặc sử dụng trực tiếp và giá trị thị trường hợp lý của các sản phẩm phụ).</p>  |   |
| <p>a. Hoàn vốn đơn giản cho việc tạo năng lượng của RES:</p>  | <p>\$ + \$ = Năm</p>  |
| <p>b. Hoàn vốn đơn giản cho việc thay thế của RES:</p>  | <p>\$ + \$ = Năm</p>  |
| <p>b. Đối với các cải tiến hiệu quả năng lượng: Hoàn vốn đơn giản được tính trong phần VIII. F</p>  |   |

I. Năng lực chuyên môn của Nhà cung cấp dịch vụ (Cung cấp thông tin về nhân sự và các công ty sẽ thực hiện thi công và lắp đặt dự án, chẳng hạn như: kiểm toán viên năng lượng, đánh giá viên địa điểm, nhà thầu, nhà lắp đặt, thợ điện, v.v.)

|                        |  |             |  |
|------------------------|--|-------------|--|
| Vai trò dự án:         |  |             |  |
| Tên công ty:           |  |             |  |
| Tên cá nhân:           |  | Chức danh:  |  |
| Địa chỉ:               |  |             |  |
| Thành phố/Bang/Mã Zip: |  | Điện thoại: |  |

**Năng lực chuyên môn (Đính kèm sơ yếu lý lịch hoặc điền thông tin bên dưới):**

|  |  |
|--|--|
| Số lượng dự án tương tự đã thực hiện:  |  |
| Số năm kinh nghiệm liên quan:  |  |
| Chứng chỉ chuyên môn (bao gồm đào tạo và/hoặc giáo dục liên quan đến công việc, chứng nhận, v.v.): |  |
| Giấy phép:   |  |

|                        |  |             |  |
|------------------------|--|-------------|--|
| Vai trò dự án:         |  |             |  |
| Tên công ty:           |  |             |  |
| Họ tên:                |  | Chức danh:  |  |
| Địa chỉ:               |  |             |  |
| Thành phố/Bang/Mã Zip: |  | Điện thoại: |  |

**Năng lực chuyên môn (Đính kèm sơ yếu lý lịch hoặc điền thông tin bên dưới):**

|  |  |
|--|--|
| Số lượng dự án tương tự đã thực hiện:  |  |
| Số năm kinh nghiệm liên quan:  |  |
| Chứng chỉ chuyên môn (bao gồm đào tạo và/hoặc giáo dục liên quan đến công việc, chứng nhận, v.v.): |  |
| Giấy phép:   |  |

|                        |  |             |  |
|------------------------|--|-------------|--|
| Vai trò dự án:         |  |             |  |
| Tên công ty:           |  |             |  |
| Họ tên:                |  | Chức danh:  |  |
| Địa chỉ:               |  |             |  |
| Thành phố/Bang/Mã Zip: |  | Điện thoại: |  |

**Năng lực chuyên môn (Đính kèm sơ yếu lý lịch hoặc điền thông tin bên dưới):**

|  |  |
|--|--|
| Số lượng dự án tương tự đã thực hiện:  |  |
| Số năm kinh nghiệm liên quan:  |  |
| Chứng chỉ chuyên môn (bao gồm đào tạo và/hoặc giáo dục liên quan đến công việc, chứng nhận, v.v.): |  |
| Giấy phép:   |  |

|                        |  |             |  |
|------------------------|--|-------------|--|
| Vai trò dự án:         |  |             |  |
| Tên công ty:           |  |             |  |
| Họ tên:                |  | Chức danh:  |  |
| Địa chỉ:               |  |             |  |
| Thành phố/Bang/Mã Zip: |  | Điện thoại: |  |

**Năng lực chuyên môn (Đính kèm sơ yếu lý lịch hoặc điền thông tin bên dưới):**

|  |  |
|--|--|
| Số lượng dự án tương tự đã thực hiện:  |  |
| Số năm kinh nghiệm liên quan:  |  |
| Chứng chỉ chuyên môn (bao gồm đào tạo và/hoặc giáo dục liên quan đến công việc, chứng nhận, v.v.): |  |
| Giấy phép:   |  |

**VIII. Dự án hệ thống năng lượng tái tạo - Yêu cầu kỹ thuật:** Lập báo cáo kỹ thuật theo Phụ lục B của 7 CFR 4280-B. \*Nếu là dự án kết hợp, hãy gửi thông tin kỹ thuật cụ thể cho từng công nghệ. Nếu dự án bao gồm một trong các công nghệ năng lượng tái tạo sau đây hoặc công nghệ được sửa đổi thông qua công bố Đăng ký Liên bang thì không cần phải có báo cáo kỹ thuật đầy đủ: năng lượng mặt trời, gió, vi thủy điện, và địa nhiệt, sử dụng trực tiếp. (Đối với các dự án cải thiện hiệu quả năng lượng, điền Ô VIII.)

Báo cáo kỹ thuật đính kèm

A. Tiềm năng tài nguyên tái tạo: (Cơ quan có thể yêu cầu thông tin bổ sung để xác định tính khả dụng của tài nguyên.)

- Đánh giá địa điểm năng lượng tái tạo được Cơ quan phê duyệt có thể được sử dụng để cung cấp Mô tả dự án, Đánh giá tài nguyên và Đánh giá kinh tế dự án. Trong những trường hợp như vậy, Báo cáo kỹ thuật sẽ bao gồm Phần D của Phụ lục B và Đánh giá địa điểm năng lượng tái tạo. Nếu đánh giá địa điểm năng lượng tái tạo được cung cấp thì không cần phải điền phần 2 và 3. Nếu đánh giá địa điểm không bao gồm tất cả thông tin này, hãy điền phần này của biểu mẫu với các mô tả bên dưới để bổ sung cho đánh giá. Việc đánh giá phải bao gồm, nếu có, tài liệu về lịch sử sử dụng năng lượng của khu dân cư, theo phần VI(F)(2)(a)(v).

|   |                             |                                |                                    |
|---|-----------------------------|--------------------------------|------------------------------------|
| Đánh giá địa điểm được cơ quan phê duyệt đã hoàn thành: | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không | Đính kèm: <input type="checkbox"/> |
| Tên của đánh giá viên địa điểm:                         |                             |                                |                                    |
| Năng lực chuyên môn của đánh giá viên địa điểm:         |                             |                                |                                    |

- Cung cấp dữ liệu đầy đủ và phù hợp để chứng minh lượng tài nguyên tái tạo sẵn có. Đối với các dự án kết hợp, mỗi công nghệ được đề xuất phải được đề cập. Mô tả chất lượng, tính khả dụng và tính thời vụ (nếu có) của nguồn năng lượng tái tạo:

- Cơ sở xác định:

Có một số phương pháp để xác định tiềm năng tài nguyên tại địa điểm, mô tả bên dưới nếu có thể áp dụng và đính kèm nếu cần:

|  |  |
|--|--|
| Công cụ ước tính trực tuyến:                                   | <input type="checkbox"/> Có; Liệt kê tên công cụ:<br><input type="checkbox"/> Không        |
| Tài liệu tham khảo (Hoa hồng gió, Bản đồ chuyên đề, v.v.):     | <input type="checkbox"/> Có; Liệt kê tài liệu tham khảo:<br><input type="checkbox"/> Không |
| Thiết bị đánh giá theo địa điểm cụ thể hoặc khảo sát địa điểm: | <input type="checkbox"/> Có; Liệt kê thiết bị:<br><input type="checkbox"/> Không           |
| Hình ảnh của địa điểm:   | <input type="checkbox"/> Có; Đính kèm theo đơn đăng ký.<br><input type="checkbox"/> Không  |
| Khác:  | Đính kèm tài liệu nếu có.  |

B. Đối với các ứng dụng hệ thống năng lượng tái tạo, cơ quan có thể yêu cầu một nghiên cứu tính khả thi dựa trên phạm vi của dự án đối với hoạt động tổng thể của người nộp đơn, bao gồm các cơ sở mới có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động hiện tại, hoặc khi thông tin ứng dụng không cung cấp tài liệu và phân tích đầy đủ về khả năng kỹ thuật, tài chính, hoặc thị trường của dự án, hoặc tính khả thi về kinh tế của dự án bao gồm bất kỳ thỏa thuận cung cấp nguyên liệu đầu vào hoặc thỏa thuận tiêu thụ nào, mà tổng thể có thể xác định cơ sở cho một dự án thành công. Các yếu tố của một nghiên cứu tính khả thi được chấp nhận có thể khác nhau tùy theo phạm vi dự án. Nghiên cứu tính khả thi phải bên thứ ba độc lập đủ năng lực soạn thảo.

Nghiên cứu tính khả thi cho dự án đã được tiến hành và được đính kèm để hỗ trợ dự án.

**IX. Dự án cải thiện hiệu quả năng lượng - Yêu cầu kỹ thuật:** Lập báo cáo kỹ thuật theo Phụ lục A của 7 CFR 4280-B. Đính kèm Kiểm toán năng lượng hoặc Đánh giá năng lượng vào đơn đăng ký. (Nếu dự án là Hệ thống năng lượng tái tạo, hãy chuyển đến Ô VII.) Báo cáo kỹ thuật EEI được đính kèm \_\_\_\_ Có \_\_\_\_ Không Kiểm toán năng lượng hoặc Đánh giá năng lượng được đính kèm \_\_\_\_ Có \_\_\_\_ Không

A. Mức sử dụng hiện tại theo Đánh giá Năng lượng hoặc Kiểm toán Năng lượng:

|                      | Năng lượng đã sử dụng (chuyển đổi sang BTU) | Chi phí                                |
|----------------------|---|--|
| Điện (kWh)           | x 3.412btu/kWh=                             | \$                                     |
| Propane/LP (gal)     | x 91.502btu/gal=                            | \$                                     |
| Khí tự nhiên (therm) | x 100.000btu/therm=                         | \$                                     |
| Diesel (gal)         | x 139.000btu/gal=                           | \$                                     |
| Khác                 | x =   | \$                                     |
|                      | Tổng BTU hiện có:                           | Tổng chi phí năng lượng hiện có:<br>\$ |

B. Mức sử dụng đề xuất (ước tính) sau khi hoàn thành dự án theo Đánh giá năng lượng hoặc Kiểm toán năng lượng:

|                      | Năng lượng đã sử dụng (chuyển đổi sang BTU) | Chi phí                                |
|----------------------|---|--|
| Điện (kWh)           | x 3.412btu/kWh=                             | \$                                     |
| Propane/LP (gal)     | x 91.502btu/gal=                            | \$                                     |
| Khí tự nhiên (therm) | x 100.000btu/therm=                         | \$                                     |
| Diesel (gal)         | x 139.000btu/gal=                           | \$                                     |
| Khác                 | x =   | \$                                     |
|                      | Tổng BTU đề xuất:                           | Tổng chi phí năng lượng đề xuất:<br>\$ |

C. Tổng năng lượng tiết kiệm được: Tổng BTU hiện có - Tổng BTU đề xuất = Tổng BTU tiết kiệm

D. Phần trăm tiết kiệm năng lượng: Tổng tiết kiệm BTU / Tổng BTU hiện có = % Tiết kiệm

E. Tiền tiết kiệm: Tổng chi phí năng lượng hiện có - Tổng chi phí năng lượng đề xuất = Tiết kiệm

F. Hoàn vốn đơn giản EEI: Tổng chi phí dự án: (D1b) \$ / giá trị tiết kiệm năng lượng hằng năm (VIII E.) \$ = năm

**X. Lợi ích môi trường:** Cung cấp mô tả hoặc phân tích chi tiết nếu có thể để hỗ trợ tác động của dự án đối với những vấn đề sau:

A. Dự án có chuyển đổi đất nông nghiệp không và nếu có thì bao nhiêu mẫu Anh?

B. Dự án có góp phần vào nạn phá rừng hoặc giải quyết nguy cơ cháy rừng trên đất rừng không?

C. Dự án có tiết kiệm nước không và nếu có thì tiết kiệm bao nhiêu?

D. Dự án có tuân thủ các tiêu chuẩn về nhiên liệu tái tạo của Environmental Protection Agency (Cơ quan Bảo vệ Môi trường)?

E. Có ít nhất 25% các thành phần của dự án có nguồn gốc sinh học?

**XI. Cam kết vốn:** Đối với các điểm theo cam kết của tiêu chí chấm điểm quý, cần phải đính kèm tài liệu.

|        |              |                                    |
|--------|--------------|------------------------------------|
| Nguồn: | Số tiền:\$   | Đính kèm: <input type="checkbox"/> |
| Nguồn: | Số tiền:\$   | Đính kèm: <input type="checkbox"/> |
| Nguồn: | Số tiền:\$   | Đính kèm: <input type="checkbox"/> |
| Nguồn: | Số tiền:\$   | Đính kèm: <input type="checkbox"/> |
|        | Tổng cộng:\$ |                                    |

**XII. Mối quan hệ:**

Điều này nhằm chứng nhận rằng tôi, với tư  có hoặc  không có mối quan hệ hoặc liên kết nào đã được biết với nhân cách là người nộp đơn.

Nếu có mối quan hệ đã được biết, vui lòng cho biết tên nhân viên Rural Development:

**XIII. Tài trợ trước đó:**

Tôi, người nộp đơn, đã  hoặc  chưa nhận được bất kỳ khoản trợ cấp và/hoặc khoản vay có bảo lãnh nào theo chương trình REAP.

Nếu đã nhận được các khoản trợ cấp hoặc khoản vay có bảo lãnh, hãy xác định từng khoản trợ cấp và/hoặc khoản vay được bảo lãnh, ngày nhận và mô tả tiến độ đã đạt được đối với từng dự án, bao gồm tiến độ dự kiến và ngày hoàn thành thực tế, nếu có:

**XIV. Chấp hành tốt:**

Tôi, người nộp đơn, là một pháp nhân, có  hoặc không  chấp hành tốt và hoạt động theo luật pháp của (các) bang hoặc bộ lạc nơi tôi, người nộp đơn, có địa điểm kinh doanh.

Không áp dụng, tôi đang nộp đơn với tư cách hộ kinh doanh cá thể.

**XV. Chứng nhận:**

Người nộp đơn chứng nhận từng điều sau đây bằng cách đánh dấu vào ô bên dưới. *(Cơ quan có quyền yêu cầu thông tin bổ sung để chứng minh (các) chứng nhận.)*

- A. Người nộp đơn đáp ứng từng tiêu chí đủ điều kiện của người nộp đơn trong 7 C.F.R. 4280.112.
- B. Dự án được đề xuất đáp ứng từng yêu cầu về tính đủ điều kiện của dự án có trong 7 C.F.R. 4280.113.
- C. Dự án được đề xuất sẽ chỉ sử dụng công nghệ có sẵn trên thị trường được xác định trong 7 C.F.R. 4280.103.
- D. Theo 7 C.F.R. 4280.113, người nộp đơn thừa nhận cần thận trọng khi thực hiện bất kỳ hành động nào hoặc phát sinh bất kỳ nghĩa vụ nào trước khi Cơ quan xem xét về môi trường nhằm hạn chế phạm vi lựa chọn thay thế hoặc có ảnh hưởng xấu đến môi trường, chẳng hạn như việc khởi công xây dựng. Nếu được thực hiện, nó có thể dẫn đến việc dự án không đủ điều kiện.
- E. Người nộp đơn đáp ứng các tiêu chí để nộp đơn đăng ký cho các dự án có tổng chi phí dự án dưới \$200.000 nhưng trên \$80.000.
- F. Người nộp đơn hoặc nhà thầu chính của người nộp đơn chịu mọi rủi ro và trách nhiệm trong việc phát triển dự án, bao gồm cả nguồn tài trợ tạm thời, kể cả trong quá trình xây dựng. Người nộp đơn hoàn toàn chịu trách nhiệm ký kết tất cả các hợp đồng.
- G. Việc lập kế hoạch xây dựng và thực hiện phát triển sẽ được thực hiện theo 7 C.F.R. 4280.125.
- H. Người nộp đơn đồng ý không yêu cầu hoàn trả từ nguồn vốn bắt buộc theo chương trình này cho đến khi dự án đã hoàn thành và đang hoạt động theo thông tin được cung cấp trong đơn đăng ký dự án.
- I. Người nộp đơn sẽ duy trì bảo hiểm theo yêu cầu của 7 C.F.R. 4280.123 (b).
- J. Thiết bị cần thiết cho dự án luôn sẵn có, có thể được mua và giao trong lịch trình phát triển dự án đề xuất và sẽ được lắp đặt phù hợp với các thông số kỹ thuật và yêu cầu thiết kế của nhà sản xuất. Điều này sẽ không được áp dụng khi thiết bị không phải là một phần của dự án.

- K. Dự án sẽ được xây dựng theo luật pháp, quy định, thỏa thuận, giấy phép, quy tắc và tiêu chuẩn hiện hành.
- L. Người nộp đơn sẽ tuân thủ các yêu cầu về cạnh tranh mở và tự do theo 7 C.F.R. 4280.125(a)(1).
- M. Người nộp đơn sẽ tuân thủ các yêu cầu về cơ hội việc làm bình đẳng theo 7 C.F.R. 4280.125(a)(2).
- N. Chỉ đối với các dự án năng lượng sinh học, bất kỳ và tất cả nguyên liệu sinh khối gỗ từ đất của Hệ thống Rừng Quốc gia hoặc đất công đều không thể được sử dụng làm sản phẩm gỗ có giá trị cao hơn.

**XVI. Đính kèm những tài liệu sau nếu chưa gửi:**

- Mẫu SF 424, “Đơn xin Trợ cấp Liên bang”.
- Mẫu SF-424C, “Thông tin Ngân sách - Chương trình Xây dựng”.
- Mẫu SF-424D, “Đảm bảo Chương trình Xây dựng”.
- Tài liệu về môi trường theo 7 C.F.R. 1970.
- Tài liệu về tài nguyên năng lượng tái tạo.
- Thay thế RES-Hóa đơn tiện ích trước đây tối thiểu 12 tháng.
- Tài liệu về Tỷ lệ & Số lượng Năng lượng RES: PPA/Chính sách ghi nhận điện năng hoặc cơ chế bù trừ điện năng/Thu của cơ quan tiện ích.
- Kiểm toán Năng lượng hoặc Đánh giá Năng lượng với hóa đơn tiện ích trước đây tối thiểu 12 tháng.
- Tài liệu về nguồn vốn phù hợp.
- Nghiên cứu tính khả thi, nếu cần, đối với các dự án hệ thống năng lượng tái tạo.
- Khác. Mô tả:

**XVII. Xác nhận tài liệu và chấp nhận:**

**XÁC NHẬN VÀ CHẤP NHẬN**

Tôi xác nhận rằng, theo sự hiểu biết và niềm tin tốt nhất của mình, thông tin có trong đơn đăng ký này, bao gồm tất cả các tài liệu đính kèm, là đúng sự thật và chính xác, đồng thời, tôi xác nhận theo từng điều kiện được nêu trong Phần V và XII-XVI của đơn đăng ký này.

**NHÀ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP \ DOANH NGHIỆP NHỎ NÔNG THÔN**

(TÊN NHÀ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP \ DOANH NGHIỆP  
NHỎ Ở NÔNG THÔN)

Chữ ký \_\_\_\_\_

Người ký: \_\_\_\_\_

Tên viết in

Chức danh: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_